CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

**PHÒNG ĐKSX**

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ**

***NGÀY 04 THÁNG 11 NĂM 2026***

| STT | | Khách hàng | Ngày làm TB | Số TB | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện | Loại than | SL làm TB | SL thực rót | SL còn lại | Ngày xong | Mục đích sử dụng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **TỔNG CỘNG** | | | | | | ***533 204*** | ***147 010*** | ***386 194*** | | | |
| **I** | **CẢNG CHÍNH** | | | | | | | **121 143** | **28 438** | **92 705** | | | |
| | ***Tàu đã làm hàng (trong cầu)*** | | | | | | | ***23 700*** | ***23 619*** | ***81*** | | | |
| 1 | | ĐIỆN VŨNG ÁNG | 01/11 | 712/11 | | VIỆT THUẬN 235 | CÁM 5A.10 | 22 600 | 22 527 | 73 | 04/11 | HỘ LỚN | NGUỒN TTCO |
| 2 | | TRƯỜNG ANH 888 | 01/11 | 2853/11 | 07/11 | BN 1816 | CỤC XÔ 1C | 1 100 | 1 092 | 8 | 03/11 | TD | |
| | ***Tàu dự kiến rót trong ngày*** | | | | | | | ***38 830*** | ***4 819*** | ***34 011*** | | | |
| 1 | | NHÔM LÂM ĐỒNG | 01/11 | 2860/11 | 10/11 | VIỆT THUẬN HN-01 | CÁM 5A.1 | 3 200 | 2 848 | 352 | DỠ | HỘ LỚN | |
| | | | | | | | CỤC 4A.2 | 2 400 | 1 761 | 639 | DỠ | | |
| 2 | | ĐIỆN VĨNH TÂN 1 | 01/11 | 713/11 | | VIỆT THUẬN 30-06 | CÁM 6A.1 | 29 200 | | 29 200 | | HỘ LỚN | NGUỒN TTCO |
| 3 | | ĐẠM HÀ BẮC | 03/11 | 722/11 | 13/11 | TĐ 19-4 | CÁM 4A.1 | 2 800 | | 2 800 | | HỘ LỚN | |
| 4 | | XNK ANH KHOA | 01/11 | 2851/11 | 07/11 | BN 0679 | CỤC XÔ 1C | 1 230 | 209 | 1 021 | DỠ | TD | |
| | ***Tàu đã làm lệnh (trong cầu)*** | | | | | | | ***58 613*** | | ***58 613*** | | | |
| 1 | | NHÔM ĐẮK NÔNG | 03/11 | 2867/11 | 13/11 | HOÀNG ANH 39 | CỤC 4A.2 | 1 340 | | 1 340 | | HỘ LỚN | |
| | | | | | | | CÁM 5A.1 | 1 630 | | 1 630 | | HỘ LỚN | |
| 2 | | ĐIỆN VĨNH TÂN 1 | 03/11 | 720/11 | | QUANG VINH DIAMOND | CÁM 6A.1 | 23 000 | | 23 000 | | HỘ LỚN | NGUỒN TTCO |
| 3 | | ĐẠM HÀ BẮC | 03/11 | 723/11 | 13/11 | TĐ 38-TT | CÁM 4A.1 | 2 300 | | 2 300 | | HỘ LỚN | |
| 4 | | KDT MIỀN BẮC | 01/11 | 2833/10 | 07/11 | NEW GOLD | CÁM 2A.1 | 25 000 | | 25 000 | | TD | GIA HẠN L1 |
| 5 | | VẬN TẢI THỦY | 01/11 | 2858/11 | 07/11 | HP 5097 | CỤC XÔ 1C | 1 030 | | 1 030 | | TD | |
| 6 | | SX&TM THAN UÔNG BÍ | 01/11 | 2852/11 | 07/11 | BN 2699 | CÁM 1 | 1 963 | | 1 963 | | TD | |
| 7 | | DVVTQN | 01/11 | 2854/11 | 07/11 | BN 1798 | CỤC XÔ 1C | 1 200 | | 1 200 | | TD | |
| 8 | | SX&TM THAN UÔNG BÍ | 02/11 | 2845/11 | 09/11 | BN 2519 | CỤC XÔ 1C | 1 150 | | 1 150 | | TD | GIA HẠN L1 |
| | **Tàu chuyển tải** | | | | | | | **209 800** | **34 100** | **175 700** | | | |
| | ***Tàu đã làm hàng*** | | | | | | | | | | | | |
| | ***Tàu dự kiến rót trong ngày*** | | | | | | | ***67 200*** | ***34 100*** | ***33 100*** | | | |
| 1 | | KDT MIỀN BẮC | 29/10 | 699/10 | | VTA POSEIDON | CÁM 5B.10 | 23 200 | 20 000 | 3 200 | DỠ | PTCB | TTHG: 23.200 |
| 2 | | XNK THAN | 31/10 | 2842/10 | | VIỆT THUẬN OCEAN | CÁM 3B.2 | 44 000 | 14 100 | 29 900 | DỠ | TD | KVĐB: 44.000 |
| | ***Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)*** | | | | | | | ***142 600*** | | ***142 600*** | | | |

**CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN**

**PHÒNG ĐKSX**

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ**

***NGÀY 04 THÁNG 11 NĂM 2026***

| STT | | Khách hàng | Ngày làm TB | Số TB | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện | Loại than | SL làm TB | SL thực rót | SL còn lại | Ngày xong | Mục đích sử dụng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | ĐIỆN VĨNH TÂN 2 | 01/11 | 714/11 | | VIỆT THUẬN STAR | CÁM 6A.14 | 41 250 | | 41 250 | | HỘ LỚN | KDTCP:10.000<br>CLM: 20.000<br>KVCP: 11.250 |
| 2 | | ĐIỆN VĨNH TÂN 2 | 02/11 | 716/11 | | GOLDEN STAR | CÁM 6A.14 | 23 600 | | 23 600 | | HỘ LỚN | KDTCP: 6.000<br>CLM: 8.000<br>KVCP: 9.600 |
| 3 | | ĐIỆN VĨNH TÂN 1 | 02/11 | 717/11 | | QUANG VINH 188 | CÁM 6A.1 | 22 800 | | 22 800 | | HỘ LỚN | TTHG: 18.000<br>KVCP: 4.800 |
| 4 | | ĐIỆN VĨNH TÂN 1 | 02/11 | 718/11 | | HẢI NAM 39 | CÁM 6A.1 | 28 650 | | 28 650 | | HỘ LỚN | TTHG: 23.000<br>KVCP: 5.650 |
| 5 | | ĐIỆN VŨNG ÁNG | 02/11 | 719/11 | | TRƯỜNG NGUYÊN SKY | CÁM 5A.10 | 26 300 | | 26 300 | | HỘ LỚN | CLM: 18.000<br>KVĐB: 8.300 |
| **II** | | **KHO G9-HÓA CHẤT** | | | | | | **63 816** | **6 587** | **57 229** | | | |
| | | ***Tàu đã làm hàng*** | | | | | | ***1 976*** | ***1 957*** | ***19*** | | | |
| 1 | | CROMIT CĐ THANH HÓA | 01/11 | 2504/9 | 07/11 | HD2299 | CÁM 8A | 1 976 | 1 957 | 19 | 03/11 | TD | NGUỒN ĐN-C6 |
| | | ***Tàu dự kiến rót trong ngày*** | | | | | | ***13 699*** | ***4 630*** | ***9 069*** | | | |
| 1 | | KDT BẮC TRUNG BỘ | 01/11 | 2767/10 | 10/11 | NB 8308 | CÁM 7B | 3 005 | 2 468 | 537 | DỠ | PTCB | NGUỒN ĐN-C6 |
| 2 | | KDT CẦU ĐUỐNG | 03/11 | 2880/11 | 10/11 | QN 8259 | CÁM 7B | 1 690 | | 1 690 | | PTCB | NGUỒN ĐN-C6 |
| 3 | | HÀNG HẢI VN | 23/10 | 2740/10 | 30/10 | QN 7535 | CỤC 1B | 1 100 | 456 | 644 | DỠ | TD | NGUỒN CS |
| 4 | | KS THAN ĐÔNG BẮC | 01/11 | 2579/10 | 07/11 | HY 0802 | CÁM 8A | 1 928 | 427 | 1 501 | DỠ | TD | NGUỒN ĐN-C6<br>GIA HẠN L2 |
| 5 | | ĐTTM & DỊCH VỤ | 01/11 | 2783/10 | 07/11 | HD 2225 | CÁM 8A | 1 100 | | 1 100 | | TD | NGUỒN ĐN-C6 |
| 6 | | THAN SÔNG HỒNG | 02/11 | 2800/10 | 09/11 | QN 8547 | CÁM 8A | 996 | | 996 | | TD | NGUỒN ĐN-C6<br>GIA HẠN L1 |
| 7 | | VIỆT THUẬN 235-01 | 31/10 | 5 629 | | CẨM PHẢ 21 | TNK-LÀO | 3 880 | 1 278 | 2 602 | DỠ | BỐC THAN NK | |
| | | ***Tàu đã làm lệnh*** | | | | | | ***48 141*** | | ***48 141*** | | | |
| 1 | | XNK THAN | 03/11 | 2884/11 | 13/11 | VIỆT THUẬN TĐ 15 | CÁM 4A.1 | 4 994 | | 4 994 | | PTCB | NGUỒN CS |
| 2 | | XNK THAN | 03/11 | 2883/11 | 13/11 | VIỆT THUẬN TĐ 01 | CÁM 6B.1 | 5 312 | | 5 312 | | PTCB | NGUỒN HL |
| 3 | | KDT HÀ BẮC | 03/11 | 2876/11 | 13/11 | BN 1313 | CÁM 7B | 1 845 | | 1 845 | | PTCB | NGUỒN CS |
| 4 | | KDT HÀ BẮC | 03/11 | 2877/11 | 13/11 | BN 2626 | CÁM 7B | 1 779 | | 1 779 | | PTCB | NGUỒN CS |
| 5 | | THAN MIỀN TRUNG | 01/11 | 2782/10 | 07/11 | VIỆT TRUNG 68 | CÁM 8A | 1 980 | | 1 980 | | TD | NGUỒN ĐN-C6 |
| 6 | | XNK VTA | 01/11 | 2850/11 | 07/11 | HD 2333 | CỤC XỔ 1B | 1 300 | | 1 300 | | TD | NGUỒN ĐN-C6 |
| 7 | | DVVTQN | 01/11 | 2856/11 | 07/11 | BN2203 | CỤC XỔ 1B | 1 500 | | 1 500 | | TD | NGUỒN ĐN-C6 |

**CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN**

**PHÒNG ĐKSX**

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ**

***NGÀY 04 THÁNG 11 NĂM 2026***

| STT | | Khách hàng | Ngày làm TB | Số TB | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện | Loại than | SL làm TB | SL thực rót | SL còn lại | Ngày xong | Mục đích sử dụng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | | TRƯỜNG ANH 888 | 01/11 | 2798/10 | 07/11 | THÀNH NAM 79 | CÁM 8A | 3 200 | | 3 200 | | TD | NGUỒN ĐN-C6 |
| 9 | | TRƯỜNG ANH 888 | 01/11 | 2857/10 | 07/11 | QN 8225 | CÁM 8A | 1 620 | | 1 620 | | TD | NGUỒN CS |
| 10 | | MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH | 02/11 | 2751/10 | 09/11 | BN 2382 | CỤC XÔ 1B | 1 100 | | 1 100 | | TD | NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1 |
| 11 | | ĐTTMDV | 02/11 | 2564/11 | 09/11 | HP 5818 | CÁM 8A | 3 035 | | 3 035 | | TD | NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2 |
| 12 | | SX&TM THAN UÔNG BÍ | 02/11 | 2817/10 | 09/11 | BN 2115 | CỤC XÔ 1B | 1 500 | | 1 500 | | TD | NGUỒN CS GIA HẠN L1 |
| 13 | | THAN MIỀN TRUNG | 02/11 | 2822/10 | 09/11 | HUY HOÀNG 28 | CỤC XÔ 1A | 1 000 | | 1 000 | | TD | NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1 |
| 14 | | ĐTTMDV | 02/11 | 2870/11 | 09/11 | HN 2556 | CÁM 8A | 2 400 | | 2 400 | | TD | NGUỒN CS |
| 15 | | XNK ANH KHOA | 02/11 | 2868/11 | 09/11 | PT 2698 | CỤC XÔ 1A | 1 000 | | 1 000 | | TD | NGUỒN ĐN-C6 |
| 16 | | VẬN TẢI THÙY | 02/11 | 2866/11 | 09/11 | HP 6863 | CÁM 8A | 2 200 | | 2 200 | | TD | NGUỒN CS |
| 17 | | TRƯỜNG ANH 888 | 03/11 | 2881/11 | 10/11 | VTT 19 | CÁM 8A | 3 300 | | 3 300 | | TD | NGUỒN ĐN-C6 |
| 18 | | MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH | 03/11 | 2879/11 | 10/11 | NB 8305 | CÁM 8A | 3 100 | | 3 100 | | TD | NGUỒN ĐN-C6 |
| 19 | | DVVTQN | 03/11 | 2878/11 | 10/11 | HD 2325 | CÁM 8A | 1 200 | | 1 200 | | TD | NGUỒN CS |
| 20 | | THÁI SƠN HP | 03/11 | 2875/11 | 10/11 | SG 10252 | CÁM 8A | 2 676 | | 2 676 | | TD | NGUỒN CS |
| 21 | | VIỆT THUẬN 235 | 27/10 | 5 514 | | CỬA ÔNG 05 | TNK-LÀO | 2 100 | | 2 100 | | BỐC THAN NK | |
| **III** | **KHO BẢO NGUYÊN** | | | | | | | **12 638** | **2 325** | **10 313** | | | |
| | ***Tàu đã làm hàng*** | | | | | | | ***2 326*** | ***2 325*** | ***1*** | | | |
| 1 | | ĐIỆN PHẢ LẠI | 31/10 | 703/10 | 10/11 | TĐ 18-1 | CÁM 5B.10 | 2 326 | 2 325 | 1 | 03/11 | HỘ LỚN | |
| | ***Tàu dự kiến rót trong ngày*** | | | | | | | | | | | | |
| | ***Tàu đã làm lệnh*** | | | | | | | ***10 312*** | | ***10 312*** | | | |
| 1 | | ĐIỆN PHẢ LẠI | 01/11 | 715/11 | 11/11 | TB 1716 | CÁM 5B.10 | 2 314 | | 2 314 | | HỘ LỚN | |
| 2 | | ĐIỆN PHẢ LẠI | 03/11 | 721/11 | 13/11 | TĐ 45-3 | CÁM 5B.10 | 3 572 | | 3 572 | | HỘ LỚN | |
| 3 | | ĐIỆN PHẢ LẠI | 03/11 | 724/11 | 13/11 | DŨNG SƠN 88 | CÁM 5B.10 | 4 426 | | 4 426 | | HỘ LỚN | |
| **IV** | **KHO CẢNG KM6** | | | | | | | **24 697** | **14 500** | **10 197** | | | |
| | ***Tàu đã làm hàng*** | | | | | | | ***13 277*** | ***13 300*** | ***- 23*** | | | |
| 1 | | NHÔM LÂM ĐỒNG | 02/11 | 2862/11 | 12/11 | HOÀNG GIA 56 | CÁM 5A.1 | 1 715 | 1 715 | | 03/11 | HỘ LỚN | |
| | | | | | | | CỤC 4A.2 | 1 370 | 1 353 | 17 | 03/11 | | |
| 2 | | CROMIT CĐ THANH HÓA | 02/11 | 2863/11 | 12/11 | HẢI ĐĂNG 666 | CÁM 5B.1 | 3 800 | 3 765 | 35 | 03/11 | PTCB | |

**CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN**

**PHÒNG ĐKSX**

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ**

***NGÀY 04 THÁNG 11 NĂM 2026***

| STT | | Khách hàng | Ngày làm TB | Số TB | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện | Loại than | SL làm TB | SL thực rót | SL còn lại | Ngày xong | Mục đích sử dụng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | | KDT MIỀN BẮC | 02/11 | 2871/11 | 12/11 | HD 5935 | CÁM 6A.1 | 2 892 | 2 887 | 5 | 03/11 | PTCB | |
| 4 | | KDT MIỀN BẮC | 02/11 | 2872/11 | 12/11 | BN 1988 | CÁM 6B.1 | 1 400 | 1 495 | - 95 | 03/11 | PTCB | |
| 5 | | KHO VẬN ĐÁ BẠC | 02/11 | 2865/11 | 12/11 | CỬA ÔNG 14 | CÁM 6B.1 | 2 100 | 2 085 | 15 | 03/11 | CHUYỂN VÙNG | |
| | ***Tàu dự kiến rót trong ngày*** | | | | | | | ***6 200*** | ***1 200*** | ***5 000*** | | | |
| 1 | | KDT BẮC TRUNG BỘ | 02/11 | 2874/11 | 12/11 | TRƯỜNG XUÂN 68 | CÁM 5B.1 | 3 200 | | 3 200 | | PTCB | |
| 2 | | ĐTTM DV - VINACOMIN | 30/10 | 2815/10 | 31/10 | BN 2625 | CỤC 1B | 650 | 155 | 495 | DỠ | TD | |
| 3 | | ĐTTM DV - VINACOMIN | 31/10 | 2840/10 | 31/10 | BN 1883 | CỤC 1B | 1 150 | 542 | 608 | DỠ | TD | |
| 4 | | DVVTQN | 02/11 | 2864/11 | 09/11 | BN 0766 | CỤC DON 8A | 1 200 | 504 | 696 | DỠ | TD | NGUỒN QH |
| | ***Tàu đã làm lệnh*** | | | | | | | ***5 220*** | | ***5 220*** | | | |
| 1 | | CROMIT CĐ THANH HÓA | 02/11 | 2873/11 | 12/11 | THANH BÌNH 05 | CÁM 5A.1 | 3 050 | | 3 050 | | PTCB | |
| 2 | | VẬN TẢI THÙY | 02/11 | 2869/11 | 09/11 | HP 6739 | BÙN TUYỂN 3C | 1 070 | | 1 070 | | TD | NGUỒN QH |
| 3 | | HÀNG HẢI VN | 03/11 | 2882/11 | 10/11 | BN 0719 | CỤC DON 8A | 1 100 | | 1 100 | | TD | |
| **V** | **TÀU XUẤT KHẨU** | | | | | | | **54 910** | **40 560** | **14 350** | | | |
| | ***Tàu đã làm hàng*** | | | | | | | ***25 000*** | ***27 500*** | ***-2 500*** | | | |
| 1 | | NHẬT BẢN | 26/10 | 7495 | | MV ANSHUN | CÁM 3B.1 | 25 000 | 27 500 | -2 500 | 03/11 | | KVCP: 12.500<br>TTHG: 15.000 |
| | ***Tàu dự kiến rót trong ngày*** | | | | | | | ***15 000*** | ***13 060*** | ***1 940*** | | | |
| 1 | | INDONESIA | 16/10 | 7241 | | MV RONG HAI 1 | CỤC 5B.2 | 15 000 | 13 060 | 1 940 | DỠ | | KVĐB: 15.000 |
| | ***Tàu đã làm lệnh*** | | | | | | | ***14 910*** | | ***14 910*** | | | |
| 1 | | HÀN QUỐC | 27/10 | 7519 | | MV XIN LIN HAI 7 | CỤC 2B.2 | 5 000 | | 5 000 | | | KVĐB: 5.000 |
| 2 | | HÀN QUỐC | 27/10 | 7518 | | MV YUN QIAN | CỤC 4B.3 | 5 000 | | 5 000 | | | KVĐB: 5.000 |
| 3 | | CAMPUCHIA | 30/10 | 7605 | | MV MINH ANH 03 | CỤC 4B.3 | 3 000 | | 3 000 | | | KVĐB: 3.000 |
| 4 | | INDONESIA | 03/11 | 7550 | | MV HOANG PHUONG 46 | CÁM 2A.1 | 1 910 | | 1 910 | | | TTHG: 1.910 |
| **VI** | **TÀU NHẬP KHẨU** | | | ***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH*** | | | | **46 200** | **20 500** | **25 700** | | | |
| | ***Tàu đã làm hàng*** | | | | | | | | | | | | |
| | ***Tàu dự kiến rót trong ngày*** | | | | | | | ***46 200*** | ***20 500*** | ***25 700*** | | | |
| 1 | | MOZAMBIQUE | 15/10 | 7208 | | MV METEOR | Than xx Mozambique | 13 000 | | 13 000 | | | TTCO: 5.000<br>KVCP: 8.000 |
| 2 | | LÀO | 28/10 | 7552 | | VIỆT THUẬN 235-01 | Than Antaracite Lào | 18 200 | 14 500 | 3 700 | DỠ | | TTCO: 8.200<br>KVCP: 10.000 |
| 3 | | MOZAMBIQUE | 26/10 | 7496 | | MV LYRIC HARMONY | Than xx Mozambique | 15 000 | 6 000 | 9 000 | DỠ | | TTCO: 15.000 |
| | ***Tàu đã làm lệnh*** | | | | | | | | | | | | |